TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS– ST
Ngày: 21/5/2021
Về việc:"Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Hà Trọng Khá

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa***: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2020/TLST – DS ngày 11 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hồ Thị Thanh S – sinh năm 1964; Địa chỉ: Đường Đ, phường X, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Võ Thị P - sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Võ Thị P trả khoản nợ vay gốc theo giấy vay ngày 29/11/2010 số tiền 2.100.000đồng. Về tiền lãi: bà S yêu cầu nếu được tính lãi thì lãi tính theo quy định pháp luật, nếu không được tính lãi thì chỉ yêu cầu gốc, không yêu cầu lãi.

Bị đơn Võ Thị P trình bày: Vào năm 2010 bà P có vay của bà S số tiền 2.100.000đồng, thỏa thuận góp 70.000đồng/ngày, bà góp được một số tiền còn nợ lại gốc khoảng 400.000đồng, bà P không góp nữa. Đến ngày 06/9/2011 bà S gặp bà P chốt nợ gốc và lãi là 913.000đồng, sau đó bà P góp được 600.000đồng chỉ còn nợ lại 313.000đồng. Năm 2012 bà S kiện yêu cầu trả số nợ theo giấy vay 913.000đồng, bà P

đã cung cấp 22 giấy trả nợ và Tòa án đã xét xử chấp nhận trừ các số tiền bà đã góp, bà P còn phải trả cho bà S khoảng 400.000đồng. Nay bà S lại kiện bà P, yêu cầu trả số nợ 2.100.000đồng, giấy vay này đã lâu, bà P yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Bà P đã nhận quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ của Tòa. Tuy nhiên, vào năm 2014 khi Tòa án giải quyết vụ kiện với số tiền 913.000đồng, bà P đã cung cấp toàn bộ tài liệu, phiếu thu của bà S cho Tòa án, hiện nay bà P không còn tài liệu chứng cứ gì khác nên bà P chấp nhận trả gốc 2.100.000đồng, không chấp nhận trả lãi. Nhưng phải cho thời gian khoảng 3-4 tháng mới trả chứ bà không có khả năng trả một lần.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt các đương sự. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Võ Thị P có địa chỉ cư trú tại xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: bà S khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán tiền còn nợ theo giấy nhận nợ ngày 29/11/2010 số tiền gốc 2.100.000đồng; thỏa thuận lãi suất 6%, góp 70.000đồng/ngày, góp 30 ngày, "nếu quá hạn 10 ngày liên tục mà không nộp tiền góp thì bà S có quyền thu hồi bất cứ tài sản gì mà bên vay đang sử dụng tương đương số tiền gốc và lãi bên vay tiền nợ của bà S. Và bà S có quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa để giải quyết việc bên vay không thực hiện đúng cam kết hợp đồng vay tiền", bà P không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh về việc trả tiền theo thỏa thuận. Do đó, thời điểm quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm là thời điểm bà P vi phạm nghĩa vụ của bên vay là ngày 10/12/2010 nên cần áp dụng thời hiệu khởi kiện để giải quyết vụ án là 03 năm kể từ ngày 10/12/2010. Ngày 15 tháng 10 năm 2019 nguyên đơn mới nộp đơn khởi kiện nên thời hiệu khởi kiện về hợp đồng đã hết. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 21/5/2021, bà P đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Do đó về quan hệ pháp luật được xác định là "Đòi lại tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005, Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3] Về số tiền gốc: Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S yêu cầu bị đơn Võ Thị P trả nợ tiền vay gốc 2.100.000đồng theo giấy nhận nợ ngày 29/11/2010. Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày năm 2010 bà vay của bà S số tiền 2.100.000đồng, bà đã góp được một số tiền, còn nợ lại gốc khoảng 400.000đồng. Đến ngày 06/9/2011 bà S gặp bà P chốt nợ gốc và lãi là 913.000đồng, vào năm 2014 khi Tòa án giải quyết vụ kiện với số tiền 913.000đồng, bà P đã cung cấp toàn bộ tài liệu, phiếu thu của bà S cho Tòa án, hiện nay bà P không còn tài liệu chứng cứ gì khác, bà chấp nhận trả số nợ 2.100.000đồng.

Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 2.100.000đồng của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S.

[3] Về lãi suất: Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 10 năm 2019 bà S trình bày, yêu cầu bà P trả nợ số tiền gốc theo giấy nhận nợ, còn tiền lãi nếu pháp luật không quy định thì nguyên đơn không yêu cầu. Bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện, chỉ chấp nhận trả gốc, không chấp nhận trả lãi. Căn cứ theo Điều 159 Bộ luật tố tụng Dân sự 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011, Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử không xem xét đối với khoản tiền lãi.

[4] Về án phí: Ngày 21/5/2021 bị đơn có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, HĐXX xét miễn nộp toàn bộ án phí cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 255, 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn Võ Thị P phải trả cho nguyên đơn Hồ Thị Thanh S tiền nợ vay theo giấy nhận nợ ngày 29 tháng 11 năm 2010 là 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bị đơn Võ Thị P được miễn nộp tiền án phí. Nguyên đơn Hồ Thị Thanh S không phải chịu án phí dân sự nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0000732 ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố T
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Lệ Siêng